

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2026/DS-PT

Ngày 11/5/2026

V/v tranh chấp “Đòi quyền
sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1031/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 576/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Tô Văn B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Văn B: Ông Phan Văn D, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền lập ngày 27/02/2025 tại Văn phòng C3).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1963;

3.2. Anh Tô Thành L, sinh năm 1989;

3.3. Chị Tô Thị Mỹ N, sinh năm 1991;

3.4. Chị Tô Thị Huyền T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp

3.5. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1 và bà H: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền lập ngày 09/6/2025 tại Văn phòng C3).

3.7. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Phùng Thị Hồng N2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn Tô Văn B.

(Anh P, ông D, bà C, anh L có mặt; chị N, chị T, bà N2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh P là con ruột của ông Nguyễn Văn H1 (chết năm 2019). Trước đây, ông H1 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN.QSDĐ) thửa đất số 02, tờ bản đồ 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại Khu phố C, TT. M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp). Nguồn gốc thửa đất này do bà nội của anh P là cụ Phạm Thị N1 cho ông H1.

Sau khi ông H1 chết, mẹ của anh P là bà Nguyễn Thị H và bà nội là cụ Phạm Thị N1 có làm văn bản phân chia thừa kế cho anh P được đứng tên thừa đất trên. Ngày 01/11/2019, anh P đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN.QSDĐ số CS01335 đối với thửa đất trên.

Bị đơn ông Tô Văn B là anh cùng mẹ khác cha với ông H1, trước đây cũng được cụ N1 chia cho một phần đất liền kề với thửa đất của anh P. Phần đất ông B được cụ N1 cho có dài, rộng hơn phần đất cụ N1 cho ông B. Khi ông H1 cất nhà, có chừa lại một phần đất ngang khoảng 2m, ông B đã tự ý bơm cát, đổ nền, làm tiền chế và trồng cây cối và chiếm dụng luôn phần đất này.

Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu Tòa án buộc ông Tô Văn B phải trả lại phần diện tích đang lấn chiếm khoảng 56m² (2m x 28m) thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp), GCN.QSDĐ số CS01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/11/2019 cho anh Nguyễn Văn P.

+ Anh P yêu cầu Tòa án buộc ông B phải tháo dỡ mái tôn, bê tông và các công trình, cây trồng khác ra khỏi phần đất đang lấn chiếm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh P.

* Bị đơn ông Tô Văn B trình bày:

Ông B là con của cụ Tô Văn C1 (đã chết) và cụ Phạm Thị N1. Sau khi cụ C1 chết, cụ N1 đưa ông B và chị ruột của ông B là bà Tô Thị T1 về quê mẹ để sinh sống. Thời gian này, cụ N1 mới tái hôn với người khác có được 02 người con là ông H1 và bà L1. Sau đó, người dượng sau cũng bỏ mấy mẹ con để cưới người khác. Lúc này, ông nội của ông B (là cụ Tô Văn C2) kêu ông B và bà T1 về quê và cho phần đất ngang khoảng 30 mét cặp kênh Nguyễn Văn T2 để làm ăn, sinh sống. Sau đó, cụ N1 cũng đưa 02 em của ông B là ông H1 và bà L1 về sinh sống ở đây, có cất 01 căn nhà trên đất để làm ăn, sinh sống.

Đến khoảng năm 2015, ông H1 có xin ông B cất căn nhà kiên cố để cho cụ N1 ở, ông B có trực tiếp chỉ ranh để ông H1 làm nhà, ông H1 đã xây hết đất đến vị trí ông B chỉ ranh. Cùng lúc với việc ông H1 xây nhà, ông B cũng đã bơm cát, đổ nền và làm nhà tiền chế tại phần đất tranh chấp và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Đến năm 2024, anh P phát sinh tranh chấp và khởi kiện đòi lại đất. Thực tế khi ông H1 còn sống thì giữa ông H1 và ông B hoàn toàn không có mâu thuẫn gì, cả cụ N1, bà H (vợ ông H1) và ông H1 đều thừa nhận phần đất 02 mét đang tranh chấp là của ông B.

Khi ông B làm thủ tục cấp GCN.QSDD, do không hiểu biết và cũng không biết vì sao địa chính chỉ đo chiều ngang đất của ông B là 10,2m. Còn việc ông H1 được cấp GCN.QSDD đến 7,2m mặt tiền ông hoàn toàn không biết. Do đó, ông B không đồng ý với toàn bộ trình bày và yêu cầu của anh P.

* Ngày 28/5/2025, ông Tô Văn B có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ GCN.QSDD số CH 00022 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1 ngày 23/11/2010 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T 1).

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ GCN.QSDD số CS 01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn P ngày 01/11/2019 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T 1).

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp đã quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P.

Buộc hộ ông Tô Văn B gồm: ông Tô Văn B, bà Phan Thị C, anh Tô Thành L, chị Tô Thị Mỹ N và chị Tô Thị Huyền T phải trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền là 33.700.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông B, bà C, anh L, chị T và chị N chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

+ Hộ ông Tô Văn B gồm: ông Tô Văn B, bà Phan Thị C, anh Tô Thành L, chị Tô Thị Mỹ N và chị Tô Thị Huyền T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động đối với phần đất có diện tích 59,8m² (trong đó phần diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 31,5m² và phần đất thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước là 24,4m²), diện tích được quyền sử dụng đất còn lại là 3,9m², có tứ cận:

Đông giáp phần còn lại của T3 đất số 02 của anh Nguyễn Văn P, dài 32,76m;

Tây giáp Thừa số 15 của ông Tô Văn Văn B;

Nam giáp Kênh Nguyễn Văn T2 dài 1,45m;

Bắc giáp Tỉnh lộ 865 dài 2,2m.

(Có sơ đồ kèm theo)

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Tô Văn B về việc hủy bỏ GCN.QSĐĐ số CH 00022 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1 ngày 23/11/2010 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T) và hủy bỏ GCN.QSĐĐ số CS 01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn P ngày 01/11/2019 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T 1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 08/10/2025, nguyên đơn anh P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Yêu cầu hộ ông B trả lại phần đất diện tích 59,8m² cho anh P.

* Ngày 09/10/2025, bị đơn ông B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Không đồng ý trả giá trị đất cho anh P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông B và người đại diện của ông B là ông D tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh P phát biểu: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh P, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông B; không chấp nhận kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N, chị T, bà N2 vắng mặt nên áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

Xét đơn kháng cáo của anh P, ông B trong hạn luật định nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B và người đại diện của ông B là ông D tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông B.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh P yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Phần đất tranh chấp có diện tích 59,8m², các đương sự đều thống nhất có nguồn gốc của ông bà để lại cho cụ N1.

Đối với Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m² (đo đạc thực tế 226m²), tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) do anh P đứng tên trên GCN.QSDĐ có nguồn gốc của cụ N1 cho ông H1, sau khi ông H1 chết, vợ con ông H1 cho lại anh P và anh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh P cho rằng anh P là người có quyền sử dụng đất hợp pháp nên yêu cầu hộ ông B trả lại diện tích đất 59,8m².

Đối với Thửa đất số 15 cũng có nguồn gốc của cụ N1 cho ông B và hộ ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích là 313,8m². Ông B cho rằng phần đất tranh chấp là của hộ ông B nên ông B không đồng ý trả lại đất cho anh P.

[2.2] Xét về quá trình sử dụng đất:

Tại Biên bản trích đo địa chính thửa đất của hộ ông B ngày 04/8/2010, cũng thể hiện phía Bắc giáp Tỉnh lộ 865 có chiều dài là 10,2m và phía Nam giáp Kênh Nguyễn Văn T2 có chiều dài là 10,2m.

Theo kết quả đo đạc, hiện trạng đất tranh chấp có diện tích 59,8m² (trong đó phần diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 31,5m² và phần đất thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước là 24,4m²), diện tích cá nhân được quyền sử dụng đất còn lại là 3,9m².

Bị đơn ông B cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông B, tuy nhiên ông B không đưa ra được tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh mình có quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc thực tế tại phần đất tranh chấp thì ông B đã sử dụng vượt diện tích được cấp, đã lấn chiếm một phần diện tích thuộc một phần Thửa đất số 02 của anh P, hiện trạng Thửa đất số 02 của anh P đang sử dụng bị thiếu diện tích tương ứng với phần diện tích đang tranh chấp.

Ông Nguyễn Văn H1 và ông Tô Văn B cùng xây nhà năm 2015, thời điểm này, ông B đã làm mái che, làm hàng rào cổng, san lấp, tôn nền đến sát vách nhà của ông H1. Các thành viên trong hộ ông H1 không ai có ý kiến, không tranh cãi.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P yêu cầu ông B trả lại phần diện tích tranh chấp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên ông B đã xây dựng vật kiến trúc, trồng cây trên đất tranh chấp gồm:

+ Mái che 1: Diện tích xây dựng: 10,1 m². Kết cấu: Khung sắt, mái tôn, nền bê tông. Hiện trạng: Khung gỗ còn chịu tải được, mái tôn còn mới. Năm xây dựng: 2024.

+ Mái che 2: Diện tích xây dựng: 23,1 m². Kết cấu: Khung gỗ, mái tôn, nền bê tông. Hiện trạng: Khung gỗ còn chịu tải được, mái tôn đã cũ. Năm xây dựng: 2015.

+ Mái che 3: Diện tích xây dựng: 35,9 m². Kết cấu: Khung sắt, mái tôn, nền bê tông. Hiện trạng: Khung gỗ còn chịu tải được, mái tôn còn mới. Năm xây dựng: 2024.

+ Nền bê tông: Diện tích: 69,1 m². Kết cấu: Nền bê tông đá dăm dày 10cm. Hiện trạng: Còn chịu tải được. Năm xây dựng: 2024.

+ Hàng rào: Diện tích xây dựng: 3,9 m². Kết cấu: Tường cao 0,4m phía trên lưới B40. Năm xây dựng: 2015.

+ Cây trồng: Cây dừa, đang cho trái ổn định.

Do đó buộc hộ ông B tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích đất lấn chiếm là không thể thực hiện được, gây hư hỏng tài sản và gây xáo trộn trong việc sử dụng đất. Nên Toà án cấp sơ thẩm buộc hộ ông B trả giá trị đất là phù hợp.

Theo thẩm định giá thể hiện như sau:

+ Phần đất phù hợp quy hoạch 3,9m², có đơn giá 5.200.885 đồng/m². Giá trị sử dụng đất là: 5.200.885 đồng x 3,9m² = 20.283.452 đồng.

+ Phần diện tích đất vi phạm quy hoạch được công nhận (tức đất nằm trong hành lang lộ giới và hành lang bảo vệ nguồn nước) đơn giá 240.000 đồng/m², giá trị sử dụng đất là: 55,90m² x 240.000 đồng = 13.416.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng phần đất tranh chấp là: 20.283.452 đồng + 13.416.000 đồng = 33.699.452 đồng (làm tròn là 33.700.000 đồng).

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc hộ ông B phải trả lại giá trị quyền sử dụng diện tích đất đã lấn chiếm với số tiền là 33.700.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu hủy GCN.QSDD của ông B:

Do chấp nhận một phần khởi kiện của anh P và buộc hộ ông B trả giá trị đất nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B là phù hợp.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh P.

[4] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

[5] Anh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông B phải chịu án phí phúc thẩm dân sự nhưng được miễn theo quy định về người cao tuổi.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần ông Tô Văn B rút đơn kháng cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 155, 158, 159, 166, 175, 189, 190, 191, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 148, 227, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025; các Điều 133 và Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P.

1.1. Buộc hộ ông Tô Văn B gồm: ông Tô Văn B, bà Phan Thị C, anh Tô Thành L, chị Tô Thị Mỹ N và chị Tô Thị Huyền T phải trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền là 33.700.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông B, bà C, anh L, chị T và chị N chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

1.2. Hộ ông Tô Văn B gồm: ông Tô Văn B, bà Phan Thị C, anh Tô Thành L, chị Tô Thị Mỹ N và chị Tô Thị Huyền T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động đối với phần đất có diện tích 59,8m² (trong đó phần diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 31,5m² và phần đất thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước là 24,4m²), diện tích được quyền sử dụng đất còn lại là 3,9m², có tứ cận:

+ Đông giáp phần còn lại của T3 đất số 02 của anh Nguyễn Văn P, dài 32,76m;

+ Tây giáp Thửa số 15 của ông Tô Văn Văn B;

+ Nam giáp Kênh Nguyễn Văn T2 dài 1,45m;

+ Bắc giáp Tỉnh lộ 865 dài 2,2m.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Tô Văn B về việc hủy bỏ GCN.QSĐĐ số CH 00022 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1 ngày 23/11/2010 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T) và hủy bỏ GCN.QSĐĐ số CS 01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn P ngày 01/11/2019 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12, diện tích 195,5m², tọa lạc tại ấp M, xã M (nay là Ấp C, xã T 1).

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm nộp án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0003866 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 3– Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông